

Số: 16 /2025/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 29 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

Xét Tờ trình số 3314/TTr-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập) trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ sở giáo dục công lập;
- b) Người học trong các cơ sở giáo dục công lập;
- c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục gồm:

- a) Dịch vụ bán trú gồm: thu trả lương nhân viên nấu ăn, nhân viên phục vụ tổ chức bán trú; thu hỗ trợ giáo viên, người làm nhiệm vụ trực trưa giờ trẻ em, học sinh ngủ (sau đây gọi chung là học sinh); thu hỗ trợ cán bộ quản lý, nhân viên tham gia tổ chức công tác bán trú; dịch vụ bữa ăn bán trú;
- b) Dịch vụ phục vụ bữa ăn sáng cho trẻ mầm non có nhu cầu ăn sáng tại trường;
- c) Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non ngoài giờ;
- d) Dịch vụ dọn vệ sinh trường, nhà vệ sinh phục vụ người học.

2. Mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

a) Các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh để xây dựng dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể, đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế năm học. Việc sử dụng các khoản thu phải đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện.

b) Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thực hiện hạch toán kế toán các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật; tổng hợp kết quả thu chi vào báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền.

c) Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo

dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

d) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được tính theo tháng; thời gian thu phải đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học. Riêng đối với dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non ngoài giờ được thu theo tháng và tính trên số ngày thực tế có sử dụng dịch vụ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Trường hợp các văn bản liên quan dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới kể từ ngày văn bản mới có hiệu lực thi hành.
4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khóa X, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán Nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PTTH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục
DANH MỤC CÁC MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NGOÀI HỌC PHÍ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: *16* /2025/NQ-HĐND ngày *29* tháng *5* năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)



STT	Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Vùng	Mức thu (nghìn đồng)						Ghi chú
				Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Cơ sở giáo dục thường xuyên	
1	Dịch vụ bán trú	Nghìn đồng/học sinh/ tháng	II	320	330					
			III	300	310					
			IV	280	290					
a	Dịch vụ trả lương nhân viên nấu ăn, nhân viên phục vụ tổ chức bán trú	Nghìn đồng/học sinh/tháng	II	170	170					
			III	150	150					

3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non ngoài giờ	Nghìn đồng/trẻ/ngày		70						
4	Dịch vụ dọn vệ sinh trường, nhà vệ sinh phục vụ người học	Nghìn đồng/học sinh/tháng	II	16	16	15	8	8	8	Chi cho người hợp đồng làm công việc dọn nhà vệ sinh cho trẻ em, học sinh, dọn vệ sinh trường không thuộc đối tượng hợp đồng phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.
			III	13	13	13	7	7	7	
			IV	12	12	12	6	6	6	